

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2025

“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đặng Thị Tâm;

- Ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vương Thị T; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Có đơn đề nghị vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T1; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Chị Vương Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T chung sống với nhau chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 tại thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và không đăng ký kết hôn, đến năm 2005 chị T và anh T1 chuyển đến Tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông sinh sống. Trong quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể hòa giải được. Hiện tại chị T và anh T1 đã sống ly thân. Nay xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án xét xử tuyên bố chị và anh Phạm Văn T1 không phải là vợ chồng.

Về con chung: Có 1 con là Phạm Văn V, sinh 16/4/2005, hiện tại cháu V đã thành niên và khỏe mạnh nên chị không yêu cầu toà án giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T1 trình bày:

Anh và chị Vương Thị T chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn, nguyện vọng của anh T1 yêu cầu đoàn tụ, trong quá trình chung sống anh chị cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Do vậy, anh T1 không đồng ý tuyên bố anh và chị Vương Thị T không phải là vợ chồng. Trường hợp phải giải quyết anh có ý kiến như sau:

Về con chung: Có 1 con là Phạm Văn V, sinh 16/4/2005, hiện tại cháu V đã thành niên và khoẻ mạnh nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự: Điều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị T; tuyên bố không công nhận chị Vương Thị T và anh Phạm Văn T1 là vợ chồng.

Về con chung: Có 1 con là Phạm Văn V, sinh 16/4/2005, hiện tại cháu V đã thành niên và khoẻ mạnh nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn và bị đơn chung sống như vợ chồng, có 01 con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng. Bị đơn cư trú tại tổ dân phố 3, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 7, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật “Không công nhận quan hệ vợ chồng”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

[1.2] Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thực hiện thủ tục giải quyết vắng mặt tất cả đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Vương Thị T và anh Phạm Văn T1 thừa nhận anh chị chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn.

Giấy tờ, tài liệu do chị T cung cấp thể hiện: Trong thời gian chung sống như vợ chồng từ năm 2001 anh chị sống tại thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2005 chuyển đến Tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông sinh sống nhưng không đăng ký kết hôn.

Căn cứ giấy tờ do nguyên đơn cung cấp sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh của các con để xác định thời điểm chị T, anh T1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 14/02/2025 tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Trung và tại đơn xin xác nhận tại Ủy ban nhân dân xã Ea Kiết, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk đều thể hiện chị T và anh T1 không đăng ký kết hôn tại xã.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.

Như vậy, việc chị T, anh T1 chung sống với nhau như vợ chồng mà không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị Vương Thị T và anh Phạm Văn T1 thừa nhận có 1 con chung là Phạm Văn V, sinh 16/4/2005, hiện tại cháu V đã thành niên và khoẻ mạnh nên chị không yêu cầu toà án giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu toà án giải quyết.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Vương Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Vương Thị T và anh Phạm Văn T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 7, 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị T.

Không công nhận chị Vương Thị T và anh Phạm Văn T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Vương Thị T và anh Phạm Văn T thừa nhận có 1 con chung là Phạm Văn V, sinh 16/4/2005, hiện tại cháu V đã thành niên và khoẻ mạnh nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vương Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007325 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Thị Ngọc